

Số: /2024/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, giám sát thi công công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định 38/2023/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số /TTr-SXD ngày / /2024; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại các Văn bản số .../BC-STP ngày .../...../2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, giám sát thi công công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày / /2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để b/c);
- Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm CB-TH;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, XD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Trọng Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, giám sát thi công công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về nội dung, phương pháp xác định, mức chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án, giám sát thi công công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh (tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia).

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, giám sát thi công công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Nội dung, định mức chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, giám sát thi công

1. Nội dung chi phí hỗ trợ: Chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; Chi phí hỗ trợ quản lý dự án, giám sát thi công công trình, chi phí hỗ trợ công tác lựa chọn nhà thầu thực hiện

gói thầu xây dựng theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; khoản 9 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Định mức chi phí hỗ trợ:

a) Định mức chi phí hỗ trợ lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản:

Đơn vị tính: tỷ lệ %

STT	Loại công trình	Chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (phần nhà nước đầu tư chưa có thuế giá trị gia tăng) tỷ đồng		
		≤ 1	3	5
1	Công trình dân dụng	0,624	0,451	0,427
2	Công trình công nghiệp	0,643	0,461	0,437
3	Công trình giao thông	0,518	0,346	0,302
4	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	0,595	0,422	0,398
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	0,557	0,403	0,365

Chi phí hỗ trợ lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (phần nhà nước đầu tư chưa có thuế giá trị gia tăng).

Trường hợp chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (phần nhà nước đầu tư chưa có thuế giá trị gia tăng) < 3 tỷ đồng hoặc > 3 tỷ đồng hoặc < 5 tỷ đồng thì tính chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư theo phương pháp nội suy lần lượt từ 1 ÷ 3 tỷ đồng và từ 3 ÷ 5 tỷ đồng.

Chi phí hỗ trợ lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản ban hành tại Quyết định này (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) không nhỏ hơn 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

b) Định mức chi phí hỗ trợ quản lý dự án và giám sát thi công công trình:

Đơn vị tính: tỷ lệ %

STT	Loại công trình	Định mức
1	Công trình dân dụng	2,757

2	Công trình công nghiệp	2,846
3	Công trình giao thông	2,419
4	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	2,610
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	2,321

Chi phí hỗ trợ quản lý dự án xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (phần nhà nước đầu tư chưa có thuế giá trị gia tăng).

Chi phí hỗ trợ quản lý dự án và giám sát thi công công trình gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện các công việc: Quản lý hợp đồng, quản lý khối lượng, chất lượng, chi phí đầu tư xây dựng, tiến độ, an toàn lao động; giám sát thi công xây dựng, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình.

c. Chi phí hỗ trợ công tác lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu xây dựng được xác định bằng 0,2% của giá gói thầu.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành: Hướng dẫn UBND cấp huyện trong việc lập, thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc chuyên ngành quản lý.

2. Sở Tài chính

Hướng dẫn UBND cấp huyện trong việc quản lý chi phí trong thanh, quyết toán chi phí xây dựng công trình xây dựng theo cơ chế đặc thù.

3. Kho bạc Nhà nước các cấp

Thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ cho dự án khi đã có đủ điều kiện và đúng thời gian quy định của pháp luật hiện hành và Nghị định số 99/2021/NĐ-CP; đơn đốc chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng, thực hiện chế độ thông tin báo cáo và quyết toán vốn đầu tư theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập, thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản, đầu tư dự án theo cơ chế đặc thù đối với các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn do mình quản lý.

b) Giao cơ quan chuyên môn trực thuộc cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ, tổ chức thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản khi Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị.

c) Bảo đảm cân đối, bố trí đủ nguồn vốn từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia để hỗ trợ các chi phí theo quy định tại Điều 2 Quyết định này.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản của các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý hoặc đề nghị cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ việc lập hồ sơ trong trường hợp gặp khó khăn.

b) Tổ chức thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp không đủ năng lực để thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc tổ chức thẩm định.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật là căn cứ để xây dựng Quy định này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo các quy định của văn bản quy phạm pháp luật thay thế, sửa đổi, bổ sung.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có những vướng mắc hoặc những vấn đề phát sinh, các cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân các cấp kịp thời báo cáo Sở Xây dựng tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.